

SỞ Y TẾ THÁI BÌNH
BỆNH VIỆN PHỔI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 170/CV-BVP
V/v: mời chào giá Hoá chất, vật tư
xét nghiệm sinh hóa máu phục vụ
chuyên môn năm 2023-2024

Thái Bình, ngày 19 tháng 07 năm 2023

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Phổi Thái Bình có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Hóa chất, vật tư xét nghiệm sinh hóa máu với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

- Tên đơn vị: Bệnh viện Phổi Thái Bình.
- Địa chỉ: Xã Vũ Chính- Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Người chịu trách nhiệm nhận báo giá: Ds Lê Thị Minh Phương – Phó khoa Dược
- Số điện thoại: 0912.083.075
- Địa chỉ gmail: khoaduocbvptb@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược – Bệnh viện Phổi Thái Bình

Hoặc

- Nhận qua email: khoaduocbvptb@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: **Từ 8h ngày 19/7/2023 đến 17h ngày 23/7/2023.**

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá:

Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 23/7/2023 đến ngày 23/10/2023

6. Đăng tải yêu cầu báo giá lên **Cổng thông tin điện tử** <https://bvphoithaibinh.vn/> của bệnh viện.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục Hóa chất, vật tư xét nghiệm sinh hóa

(Có danh mục cụ thể kèm theo)

2. Địa điểm cung cấp, các yêu cầu về vận chuyển, bảo quản Hóa chất, vật tư xét nghiệm sinh hóa máu: Tại Bệnh viện Phổi Thái Bình- Xã Vũ Chính – Thành phố Thái Bình.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Quý III/2023

4. Dự kiến về các khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng

- Tạm ứng: không

- Thanh toán hợp đồng: 90 ngày sau khi hai bên ký biên bản nghiệm thu bàn giao hàng hoá.

5. **Mẫu báo giá của công ty được áp dụng** theo Thông tư 14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023 quy định trình tự thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hoá và cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập.

Mẫu báo giá

Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: BỆNH VIỆN PHỔI THÁI BÌNH

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Phổi Thái Bình, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)	Ghi chú (Phân loại TTBYT)
1											

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 5 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú: (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế" trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế".

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

6. Các thông tin khác: không

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị.

Nơi nhận:

-Như trên

-Lưu VT

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Vũ Văn Trâm

PHỤ LỤC
DANH MỤC MUA SẮM HÓA CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM SINH HÓA MÁU
(Kèm theo Công văn số: 170/CV-BVP ngày 19/07/2023 của Bệnh viện Phổi Thái Bình)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
a	Hóa chất			
1	Hóa chất rửa máy sinh hóa	Hoá chất rửa máy sinh hóa có độ đậm đặc cao, sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa	80	Lít
2	Hóa chất ALT	Xét nghiệm định lượng ALT trong máu (sử dụng mẫu huyết thanh hoặc huyết tương), nhằm đánh giá các tình trạng tổn thương gan và các vấn đề liên quan khác. Độ tuyến tính 1,000 U/L CV%: 0.92% - 38.2U/L, CV%: 0.98% - 128.5U/L	15.000	ml
3	Hóa chất AST	Xét nghiệm định lượng AST trong máu (sử dụng mẫu huyết thanh hoặc huyết tương), nhằm đánh giá các tình trạng tổn thương gan và các vấn đề liên quan khác. Độ tuyến tính 1000U/L. CV%: 0.85% - 34U/L, 0.8% - 156.9U/L	15.000	ml
4	Hóa chất Albumin	Xét nghiệm định lượng albumin trong máu (sử dụng mẫu huyết thanh, huyết tương), hỗ trợ trong chẩn đoán các bệnh lý của cơ thể hoặc theo dõi tình trạng bệnh nhân trong quá trình điều trị, đánh giá chức năng gan, thận, CV%: 1.03% ở nồng độ 35g/l, CV%: 0.58% ở nồng độ 52.5g/l	7.200	ml
5	Hóa chất Bilirubin trực tiếp	Xét nghiệm định lượng Bilirubin trực tiếp trong máu (sử dụng mẫu huyết thanh, huyết tương), chẩn đoán và theo dõi bệnh lý liên quan về gan, mật. Độ tuyến tính 342 μ mol/l, độ nhạy: 0.299 μ mol/l. CV%: 0.96%-14.5 μ mol/l, 0.93% - 28.07 μ mol/l	6.000	ml
6	Hóa chất Bilirubin toàn phần	Xét nghiệm định lượng Bilirubin toàn phần trong máu (sử dụng mẫu huyết thanh, huyết tương), chẩn đoán và theo dõi bệnh lý liên quan về gan, mật. Độ tuyến tính 684 μ mol/l, độ nhạy: 0.1782 μ mol/l CV%: 0,92%-28.7 μ mol/l, 0.5% - 96.6 μ mol/l	6.000	ml
7	Hóa chất Cholesterol	Xét nghiệm tổng lượng Cholesterol trong máu (sử dụng mẫu huyết thanh, huyết tương), tầm soát tình trạng rối loạn lipid máu. Độ tuyến tính 20mmol/l (774mg/dl), Độ nhạy: 0.2mmol/l (7.74mmg/dl). CV%: 2.07% - 4.5mmol/l, 1.69% - 5.18mmol/l	14.400	ml
8	Hóa chất Creatinin	Xét nghiệm định lượng Creatinin trong máu bằng phương pháp jaffe (sử dụng mẫu huyết thanh hoặc huyết tương). Độ tuyến tính là 2000 μ mol / l (22,7 mg / dl) trong huyết thanh / huyết tương và 44 mmol / l (500 mg / dl) trong nước tiểu. Độ nhạy được đo chính xác với mức creatinine xuống 14 μ mol / l (0,15 mg / dl)	9.600	ml
9	Hóa chất Glucose	Hoá chất xét nghiệm định lượng Glucose trong máu (sử dụng mẫu huyết thanh hoặc huyết tương), phát hiện và theo dõi bệnh tiểu đường tuýp 1, tiểu đường tuýp 2 và tiểu đường thai kỳ. Phương pháp GOD PAP. Thử nghiệm tuyến tính: 30,0 mmol/l (550mg/dl). Đo chính xác mức đường huyết xuống 0,35 mmol/l (6,3mg/dl).	14.400	ml
10	Hóa chất Protein toàn phần	Xét nghiệm Protein toàn phần đo hàm lượng albumin và globulin có trong máu (sử dụng mẫu huyết thanh hoặc huyết tương), đánh giá tình trạng bất thường về gan, thận, bệnh lý đường tiêu hóa, tình trạng dinh dưỡng. Độ tuyến tính : 130g/l. Độ nhạy: 2g/l. CV% 0.99% - 30.3g/l, 0.86% - 44.8g/l/	7.200	ml

11	Hóa chất Triglycerid	Xét nghiệm bằng enzyme để xác định định lượng chất béo trung tính Triglyceride trong máu (sử dụng mẫu huyết thanh hoặc huyết tương), đánh giá tình trạng mỡ máu của người. Độ nhạy: 3mg/dl (0.05 mmol/l).	11.250	ml
12	Hóa chất Urea	Xét nghiệm định lượng nồng độ Urea Nitrogen có trong máu (sử dụng mẫu huyết thanh hoặc huyết tương), dùng để đánh giá tình trạng chức năng của gan và thận. Độ tuyến tính 35mmol/l. Độ nhạy: 0.12mmol/l. CV%: 0.97% - 7.54mmol/l, 0.99% - 19.49mmol/l	11.250	ml
13	Hóa chất Acid uric	Hóa chất xét nghiệm định lượng Acid uric có trong máu (sử dụng mẫu huyết thanh hoặc huyết tương) dùng để chẩn đoán bệnh Gout cũng như theo dõi đáp ứng của bệnh trong quá trình điều trị. Ngoài ra, xét nghiệm giúp theo dõi quá trình điều trị của bệnh nhân ung thư đang hóa trị, xạ trị, đánh giá chức năng thận. Độ tuyến tính: 1.5mmol/l. Độ nhạy 0.08mg/dl. Cv%: 0.81% - 0.37mmol/l, 0.91% - 0.55mmol/l	11.250	ml
14	Hóa chất chuẩn xét nghiệm CRP	Hóa chất chuẩn dùng cho xét nghiệm CRP, hóa chất chuẩn đa điểm CRP gồm có 5 mức. Bảo quản 2-8oC.	20	ml
15	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm CRP	Chất kiểm chứng CRP. Bảo quản 2-8oC, sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa	10	ml
16	Hóa chất xét nghiệm CRP có độ nhạy cao	Xét nghiệm định lượng chỉ số CRP có độ nhạy cao trong máu (sử dụng mẫu huyết thanh hoặc huyết tương) để đánh giá mức độ viêm, nhiễm trùng hoặc dùng để theo dõi điều trị với những bệnh nhân bị loạn tự miễn hoặc bệnh mạn tính người. Độ tuyến tính 150 mg/l. Độ nhạy 2mg/l.	400	ml
17	Hóa chất xét nghiệm CKMB	Xét nghiệm định lượng chỉ số CKMB trong máu (sử dụng mẫu huyết thanh hoặc huyết tương), chẩn đoán nhồi máu cơ tim. Độ tuyến tính 500U/L. CV%: 0.96 - 219.16U/L	750	ml
18	CK-NAC	Xét nghiệm chỉ số CK (sử dụng mẫu huyết thanh hoặc huyết tương) nhằm mục đích định lượng nồng độ enzym CK trong máu, đánh giá sức khỏe của tim và tình trạng cơ bắp. Độ tuyến tính 2.000U/L. CV%: 0.97% - 224.29U/L, 0.99 - 507.81U/L.	750	ml
19	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm CKMB mức 1	Hóa chất kiểm chuẩn chung cho xét nghiệm CK/CKMB mức 1. Bảo quản 2-8oC.	10	ml
20	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm CKMB mức 2	Hóa chất kiểm chuẩn chung cho xét nghiệm CK/CKMB mức 2. Bảo quản 2-8oC.	10	ml
21	Hóa chất chuẩn xét nghiệm CKMB	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm CK/CKMB. Bảo quản 2-8oC.	25	ml
22	Hóa chất xét nghiệm HbA1c	Hóa chất định lượng lượng HbA1c trong máu, theo dõi chỉ số đường huyết trong cơ thể (sử dụng mẫu huyết thanh hoặc huyết tương). Phương pháp Latex Immuno-turbidimetric. Độ tuyến tính: 16%. Blank Absorbance: ≤0.7.	1.300	ml
23	Hóa chất chuẩn xét nghiệm HbA1c	Hóa chất chuẩn dùng cho xét nghiệm HbA1c. Thành phần: từ máu người có đặc. Bảo quản 2-8oC.	10	ml
24	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm HbA1c	Hóa chất kiểm chuẩn dùng cho xét nghiệm HbA1c 2 mức. Thành phần từ máu người có đặc.	5	ml
25	Hóa chất xét nghiệm HDL trực tiếp	Hóa chất xét nghiệm định lượng lượng HDL cholesterol trực tiếp, chẩn đoán tình trạng rối loạn lipid máu và tầm soát nguy cơ phát triển bệnh tim mạch. Độ tuyến tính 150mg/dl, Blank absorbance ≤0.2. CV%: 0.9% - 43.3mg/dl, 0.85% - 59.8mg/dl	4.800	ml

26	Hóa chất xét nghiệm LDL trực tiếp	Hóa chất xét nghiệm LDL cholesterol trực tiếp đo lường và phân tích nồng độ LDL Cholesterol trong máu, phát hiện các dấu hiệu của nguy cơ xơ vữa động mạch và sẽ dẫn đến một số bệnh lý nguy hiểm về tim mạch, nhất là các bệnh lý mạch vành. Độ tuyến tính 450mg/dl. Blank absorbance ≤ 0.15 . CV%: 0.9% - 92.7 mg/dl, 0.79% - 134.2mg/dl.	2.400	ml
27	Hóa chất chuẩn xét nghiệm HDL/ LDL	Chất chuẩn chung dùng cho xét nghiệm HDL/LDL cholesterol. Bảo quản 2-8oC.	25	ml
28	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm HDL/ LDL	Chất kiểm chuẩn chung dùng cho xét nghiệm HDL/LDL cholesterol. Bảo quản 2-8oC	30	ml
29	Xét nghiệm Lactate	Hóa chất xét nghiệm định lượng lượng Lactate trong máu (sử dụng mẫu huyết thanh hoặc huyết tương) và dịch não tủy bằng phương pháp enzymatic colorimetric, xác định tình trạng nhiễm toan acid lactic cao ở người nghi ngờ nguyên nhân do thiếu nồng độ oxy, nghi ngờ tình trạng sốc, suy tim sung huyết. Độ tuyến tính: 22.2 mmol/l (200mg/dl). Độ nhạy: 0.2mmol/L (2mg/dl).	600	ml
30	Chất chuẩn Lactate	Hóa chất chuẩn dùng cho xét nghiệm Lactate, dạng lỏng. Hóa chất ổn định đến ngày hết hạn ở 2-8oC.	5	ml
31	Chất chuẩn Lactate 2 mức	Hóa chất kiểm chuẩn dùng cho xét nghiệm Lactate, dạng lỏng. Hóa chất ổn định đến ngày hết hạn ở 2-8oC.	10	ml
32	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 70 thông số xét nghiệm sinh hóa nồng độ trung bình	Dung dịch kiểm tra chất lượng xét nghiệm sinh hóa mức 2, Hóa chất dạng đông khô, kiểm chuẩn các xét nghiệm sinh hóa mức trung bình, cho 70 thông số xét nghiệm.	200	ml
33	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 70 thông số xét nghiệm sinh hóa nồng độ cao	Dung dịch kiểm tra chất lượng xét nghiệm sinh hóa mức 3, Hóa chất dạng đông khô, kiểm chuẩn các xét nghiệm sinh hóa mức trung bình, cho 70 thông số xét nghiệm.	200	ml
34	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng 42 thông số xét nghiệm sinh hóa nồng độ cao	Hóa chất tạo đường chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa cơ bản. Dung dịch chuẩn dạng đông khô, bảo quản 2oC – 8oC, dùng để hiệu chuẩn các xét nghiệm sinh hóa, mức 3 cho 42 thông số xét nghiệm	200	ml
b Vật tư dùng cho máy xét nghiệm				
35	Dụng cụ đựng mẫu bệnh	Cuvette phản ứng dùng cho máy sinh hóa. Làm bằng nhựa đặc biệt, không cản tia UV, có thể tái sử dụng	360	Chiếc
36	Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa	Đèn halogen 20V/ 12W, sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa	7	Chiếc
37	Vật tư dùng cho máy xét nghiệm	Cốc đựng mẫu dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động, dạng nhựa trong suốt, sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa	2.500	Chiếc

-Tổng số gói: 01

-Tổng số khoản: 37 khoản